

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức với giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức khi số hoá, tạo lập dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Văn bản số 44-TB/TGV ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông báo kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan có liên quan về thúc đẩy tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức cần gắn mã định danh khi số hoá, tạo lập dữ liệu và các đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, số hoá thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

a) Xây dựng kế hoạch, phương án chi tiết triển khai số hoá các giấy tờ được giao theo phương án tại Phụ lục 2 của Quyết định này. Đối với các giấy tờ chưa gắn mã định danh (chưa có thông tin về mã định danh của cá nhân, tổ chức là chủ thể của giấy tờ) cần xây dựng phương án thu thập mã định danh bổ sung. Trường hợp đặc thù, đơn vị chủ trì báo cáo Lãnh đạo Bộ quyết định. Thời hạn hoàn thành việc số hoá trước 01/6/2026.

b) Hướng dẫn các đơn vị chuyên môn tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện số hoá đối với giấy tờ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương thuộc phạm vi quản lý. Kiểm tra, tiếp nhận kết quả số hoá và tích hợp vào Kho giấy tờ của cá nhân, tổ chức.

c) Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin - Bộ Khoa học và Công nghệ để lưu trữ các giấy tờ đã số hoá vào Kho giấy tờ của cá nhân, tổ chức thuộc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện số hoá

Triển khai số hoá các giấy tờ, rà soát chuẩn hoá dữ liệu đã số hoá đối với các giấy tờ thuộc phạm vi quản lý, xử lý. Thu thập bổ sung mã định danh của cá nhân, tổ chức đối với các giấy tờ chưa gắn mã định danh.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia hướng dẫn việc triển khai Quyết định này; xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chi tiết (đặc tả dữ liệu, thông số số hoá) bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ, tích hợp vào Kho giấy tờ của cá nhân, tổ chức.

b) Thiết lập Kho giấy tờ của cá nhân, tổ chức trong Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ đảm bảo đáp ứng yêu cầu lưu trữ và khai thác tài liệu điện tử.

c) Triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu khai thác giấy tờ được số hoá và cung cấp trên Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Bộ Khoa học và Công nghệ, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

4. Trách nhiệm của Cục Chuyển đổi số quốc gia

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ tra cứu giấy tờ số hoá trên Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này không bao gồm quy định việc số hoá chi tiết các nội dung thành phần thông tin trong các giấy tờ để xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành có cấu trúc. Các đơn vị chủ trì quản lý lĩnh vực chủ động triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo các quy định có liên quan.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH, CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KHCN: Các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc.
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, CĐSQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Vũ Hải Quân

PHỤ LỤC 1

Danh mục các giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức cần gắn mã định danh khi số hoá, tạo lập dữ liệu và các đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì, số hoá thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / /2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên giấy tờ	Liên quan đến				Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện số hoá
		Cá nhân	Cơ quan	Doanh nghiệp	Tổ chức khác		
1	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trừ các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang y tế, sử dụng các thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x	x	x	x	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
2	Giấy chứng nhận đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử		x	x	x	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
3	Chứng chỉ nhân viên bức xạ trừ người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế, cơ sở sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT), thiết bị phát tia X trong phân tích nhiều xạ tia X, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x				Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
4	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	x				Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.

5	Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với các cơ sở sử dụng các thiết bị X-quang y tế, các thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh		x	x		Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Địa phương
6	Chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế, cơ sở sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT), thiết bị phát tia X trong phân tích nhiễu xạ tia X, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	x				Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Địa phương
7	Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở		x	x	x	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
8	Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh		x			Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân.
9	Văn bản cho phép nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	x	x	x		Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin	Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin
10	Văn bản cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hoá thuộc danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu	x	x	x		Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin	Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin
11	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành tự do đối với hàng hoá trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	x	x	x		Cục Công nghiệp công nghệ thông tin	Địa phương
12	Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ			x		Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Địa phương

13	Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước			x	x	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Địa phương
14	Giấy công nhận Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo các cấp				x	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ; Địa phương
15	Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo			x		Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Địa phương
16	Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	x				Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Địa phương
17	Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	x				Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Địa phương
18	Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân tự đầu tư	x		x	x	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ, Địa phương
19	Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về đề nghị xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN	x		x	x	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ	Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ, Địa phương
20	Giấy phép sử dụng băng tần		x	x	x	Cục Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
21	Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh		x	x	x	Cục Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện
22	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện	x	x	x	x	Cục Tần số vô tuyến điện	Cục Tần số vô tuyến điện/ Địa phương

23	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư		x	x	x	Cục Tần số vô tuyến điện	Địa phương
24	Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải		x	x	x	Cục Tần số vô tuyến điện	Địa phương
25	Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ		x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Cục Thông tin, Thống kê; Địa phương
26	Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ		x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Địa phương
27	Giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Cục Thông tin, Thống kê; Địa phương
28	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	x	x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Cục Thông tin, Thống kê; Địa phương
29	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	x	x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Cục Thông tin, Thống kê; Địa phương
30	Giấy chứng nhận đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước	x	x	x	x	Cục Thông tin Thống kê	Cục Thông tin, Thống kê; Địa phương
31	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
32	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
33	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
34	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông

35	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
36	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
37	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
38	Giấy phép sử dụng băng tần			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
39	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
40	Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
41	Giấy chứng nhận kiểm định			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
42	Bản xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
43	Văn bản cho phép tàu, thuyền vào vùng biển Việt Nam			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
44	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển			x		Cục Viễn thông	Cục Viễn thông
45	Giấy phép hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam			x	x	Trung tâm Internet Việt Nam	Trung tâm Internet Việt Nam
46	Giấy phép bưu chính			x		Vụ Bưu chính	Vụ Bưu chính
47	Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính			x		Vụ Bưu chính	Vụ Bưu chính
48	Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ	x		x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ
49	Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	x		x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ
50	Quyết định công bố công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	x	x	x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ

51	Quyết định chỉ định tổ chức giám định			x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ
52	Văn bản cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong trường hợp khác			x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ
53	Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên			x	x	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ	Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ
54	Quyết định về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia
55	Quyết định về việc phê duyệt mẫu phương tiện đo			x		Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia
56	Quyết định phê duyệt chuẩn quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia
57	Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
58	Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
59	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo chuẩn đo lường		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương

60	Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
61	Giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tổ chức, doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia			x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
62	Giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tổ chức, doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia			x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
63	Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu		x	x		Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
64	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
65	Quyết định về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/ chứng nhận/ giám định/ kiểm định		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
66	Quyết định về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
67	Quyết định về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (chỉ định tổ chức nước ngoài)			x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
68	Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra và Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	x	x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

69	- Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng; - Văn bản thông báo lý do cho người nhập khẩu trong trường hợp từ chối việc xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.			x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
70	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
71	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
72	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
73	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
74	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x	x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
75	Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, thẻ chuyên gia tư vấn HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
76	Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống	x				Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương

	hành chính nhà nước và thẻ cho chuyên gia tư vấn độc lập						
77	Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận và thẻ chuyên gia đánh giá		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
78	Thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá của tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận.		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
79	Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
80	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực hoạt động đào tạo.		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
81	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy			x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
82	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa	x	x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
83	Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp		x	x	x	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Địa phương
84	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.			x		Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

85	Cấp chứng nhận chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn.		x			Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia
86	Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức			x	x	Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
87	Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	x				Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
88	Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao			x		Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
89	Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức			x	x	Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
90	Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	x				Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
91	Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao			x		Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
92	Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao				x	Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
93	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia				x	Cục Đổi mới sáng tạo	Cục Đổi mới sáng tạo
94	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh				x	Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương
95	Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo				x	Cục Đổi mới sáng tạo	Địa phương

PHỤ LỤC 2

Phương án gắn mã định danh cá nhân, tổ chức với các giấy tờ số hoá
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / /2025 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Nguyên tắc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức với giấy tờ số hoá

- Mỗi giấy tờ được số hoá phải gắn mã số định danh văn bản duy nhất để phân biệt giấy tờ đó và làm cơ sở để tra cứu, khai thác, chia sẻ dữ liệu. Việc gắn mã số định danh văn bản duy nhất thực hiện theo Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 5/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Các giấy tờ khi số hoá phải xác định mã định danh của cá nhân, tổ chức (là chủ thể giấy tờ đó), lưu trữ trong dữ liệu đặc tả của tài liệu điện tử gắn kèm.

- Tài liệu điện tử là kết quả số hoá phải được ký số của đơn vị chịu trách nhiệm số hoá để bảo đảm giá trị pháp lý của văn bản.

- Tài liệu điện tử được lưu trữ tập trung tại Kho giấy tờ của cá nhân, tổ chức thuộc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ để khai thác, sử dụng chung.

- Việc số hoá các loại giấy tờ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đối với từng loại giấy tờ, tài liệu đó.

2. Lựa chọn gắn mã định danh cá nhân, tổ chức

- Mã định danh cá nhân, tổ chức được xác định như sau:

+ Đối với giấy tờ liên quan đến công dân: sử dụng số định danh cá nhân của công dân.

+ Đối với giấy tờ liên quan đến các cơ quan trong hệ thống chính trị: sử dụng mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; Quyết định 09/2025/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã định danh điện tử của cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

+ Đối với giấy tờ liên quan đến doanh nghiệp: sử dụng mã số doanh nghiệp.

+ Đối với các trường hợp còn lại: Đơn vị chủ trì số hoá lựa chọn mã định danh thông dụng được biết đến để gắn vào tài liệu được số hoá (nếu có).

- Trường hợp giấy tờ gắn với nhiều cá nhân, tổ chức thì sử dụng mã định danh của cá nhân, tổ chức chủ trì hoặc sử dụng mã định danh của cá nhân, tổ chức đề cập đầu tiên trong giấy tờ đó nếu không xác định được đối tượng chủ trì. Loại mã định danh của cá nhân, tổ chức được ghi rõ trong dữ liệu đặc tả của tài liệu điện tử.

3. Mã định danh cá nhân, tổ chức trong đặc tả tài liệu điện tử

Ngoài các thông tin đặc tả tài liệu điện tử chung được thực hiện theo quy định hiện hành, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc số hoá hồ sơ, tài liệu thống nhất trong hệ thống chính trị, bổ sung thêm các trường sau đây vào đặc tả tài liệu điện tử đối với các giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức:

STT	Trường thông tin	Tên trường thông tin	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa	Ghi chú
1	Mã định danh cá nhân, tổ chức	EntityID	String	20	Tuỳ thuộc chủ thể của giấy tờ sẽ nhận mã tương ứng
2	Loại cá nhân, tổ chức	EntityType	String	50	Nhận những giá trị sau: - Cá nhân; - Cơ quan; - Doanh nghiệp. <i>Trường hợp khác thì ghi rõ loại mã định danh.</i>